

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/DS-PT
Ngày 11 tháng 8 năm 2023
V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Vũ;

Ông Phạm Văn Toàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ có kháng cáo của đương sự và kháng nghị của VKSND tỉnh Phú Thọ.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 và các quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 01/2023/QĐ-PT ngày 15/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 02/2023/QĐ-PT ngày 13/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 7, xã Tiên K, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 7, xã Tiên K, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Ông Chu Văn Q – Luật sư thuộc Công ty luật hợp danh Hùng V, Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: SN 164, đường Minh L, phường Tiên C, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 7, xã Tiên K, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

2. Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 7, xã Tiên K, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

3. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 7, xã Tiên K, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

(Bà T, anh L, anh Th đều ủy quyền cho ông Nguyễn Anh Đ).

4. Chị Nguyễn Thị Tuyết B, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 7, xã Tiên K, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị B ủy quyền cho anh Nguyễn Xuân L).

5. Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 7, xã Tiên K, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Anh Đ trình bày:

Gia đình ông có 01 thửa đất diện tích 1545m² (trong đó 300m² đất ở và 1245m² đất vườn), thửa đất số 421-1, tờ bản đồ số 33, địa chỉ: Khu 7, xã Tiên K, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ. Đã được UBND huyện Phong Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/12/1998 đứng tên Nguyễn Anh Đ. Phía trái từ trong nhìn ra giáp nhà ông Nguyễn Văn L1 (ông L1 đã chết) hiện nay anh Nguyễn Xuân L đang sử dụng. Do gia đình ông chuyển sang làm vườn và ở trên diện tích đất 50 năm từ năm 2004 nên không đề ý. Năm 2015 anh L đổ đường đi bê tông, xây cổng và làm chuồng trại lấn sang đất gia đình ông. Ông đã báo cáo chính quyền địa phương và địa chính xã đã đo lại thì hiện nay diện tích đất nhà ông còn thiếu khoảng 80m². UBND xã Tiên K đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Nay ông Đ đề nghị Tòa án buộc anh L tháo dỡ cổng và chuồng trại để trả lại cho gia đình ông còn thiếu khoảng 80m².

Lối đi giáp đất phía bên trái đi vào nhà ông, nhà anh T, bà M (mẹ đẻ ông Đ) vẫn giữ nguyên hiện trạng từ năm 1978 đến nay. Lối đi giáp nhà anh C và nhà anh Liệu (con ông X) có một phần thay đổi phía giáp mặt đường do nhà anh Liệu cho một phần để mở rộng đường, còn phần phía trong vẫn giữ nguyên không thay đổi gì.

Phần diện tích đất 338m² giáp mặt đường phía trước mặt nhà ông Đ là đất của bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ ông Đ), bà M đã cho ông nhưng chưa làm thủ tục tặng cho, chuyển nhượng gì.

Tại phiên tòa ông Đ đề nghị buộc anh L tháo dỡ phần chuồng trại và phần đường bê tông xây lấn sang đất của gia đình ông, trả lại cho ông phần diện tích đất theo sơ đồ hiện trạng ngày 10/8/2022 là 94,4m². Cụ thể cạnh giáp thửa đất ao (thửa 422⁻¹) của bà M từ chỉ giới 55 - 49 là 22,8m, chiều sâu từ chỉ giới 7 kéo thẳng xuống chỉ giới 49 theo sơ đồ hiện trạng ngày 10/8/2022. Ông Đ xác định toàn bộ quyền sử dụng đất là của vợ chồng ông, các con của ông không có đóng góp công sức gì.

Ý kiến của bị đơn, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm **Nguyễn Xuân L trình bày:**

Bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn Lý và bà Nguyễn Thị Mạo sử dụng diện tích đất này của các cụ để lại từ trước năm 1978. Bố mẹ anh làm nhà năm 1978. Ngày 05/12/1998 thì được UBND huyện Lâm T cấp GCNQSDĐ đứng tên Nguyễn Văn L1, diện tích 2159m² (trong đó 300m² đất ở và 1859m² đất vườn), Thửa số 420, tờ bản đồ số 33, địa chỉ: Khu 7, xã Tiên K, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ. Bố mẹ anh xây nhà năm 1978. Tháng 6/2011 thì mẹ anh chết, năm 2015 bố anh chết. Khi còn sống bố mẹ anh cho anh và anh C mỗi người 1 phần đất để làm nhà. Trước đây gia đình anh đi cổng bên phải, năm 2011 bố anh chuyển cổng sang đi bên trái, bố anh đổ đường đi bê tông và xây cổng. Năm 2015 thì anh xây chuồng lợn vẫn trên nền chuồng lợn cũ để chăn nuôi. Từ năm 2011 và 2015 ông Đ không có ý kiến gì. Đến năm 2019 ông Đ gửi đơn lên UBND xã, địa chính xã đã về đo 02 lần và công ty đo đạc khác cũng về đo 02 lần và yêu cầu các bên giữ nguyên hiện trạng sử dụng. Sau đó ông Đ đổ gạch định xây tường bao trên phần đất cổng nhà anh nên anh đã báo cáo chính quyền địa phương và UBND xã đã đình chỉ không cho ông Đ xây. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu anh tháo dỡ cổng và chuồng trại để trả lại 94,4m² thì quan điểm của anh là không đồng ý. Anh đề nghị giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng vì gia đình anh đã sử dụng từ lâu, nay ông Đ thấy đất có giá trị nên nổi lòng tham. Hiện nay, phần giáp ranh giữa nhà anh và nhà ông Đ (phía sau chuồng lợn) không có ranh giới. Lối đi phía giáp nhà anh C và nhà anh L2 từ những năm về trước thì đi chéo như trong bản đồ. Hiện nay, có thay đổi một phần do bờ rào trước đây các hộ rộng nên khi xây tường rào hoặc phát nhỏ lại nên ngõ đi có thay đổi rộng hơn so với trước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Xuân C.

Tại các lời khai và tại phiên tòa anh Nguyễn Xuân C trình bày:

Anh nhất trí với ý kiến của em trai anh là Nguyễn Xuân L đã trình bày ở trên. Anh đã ở trên mảnh đất này từ khi sinh ra đến nay, năm 1978 bố mẹ anh xây nhà ở, nhà bếp xây năm 2000, khoảng năm 2011 bố anh đổ đường bê tông làm lối đi. Năm 2012, anh lập gia đình và được bố mẹ anh cắt cho một phần đất ở phía dưới giáp đường bê tông để làm nhà, còn em trai anh (anh L) ở phần đất phía trên, hiện nay nhà anh và nhà anh L vẫn đi chung lối đi bê tông do bố anh đổ từ trước. Năm 2019 thì ông Đ nói đường bê tông bố anh đổ sang đất nhà ông Đ khoảng 0,5m. Anh không đồng ý, sau đó ông Đ mời địa chính xã về đo đạc,

xác định ranh giới đất của các hộ nhưng chỉ trả lời bằng miệng, không có kết luận gì và yêu cầu 2 bên giữ nguyên hiện trạng sử dụng.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu gia đình anh tháo dỡ cổng bê tông và chuồng trại để trả lại 94,4m² thì quan điểm của anh là không đồng ý. Anh đề nghị giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng vì gia đình anh đã sử dụng từ lâu. Hiện nay ngõ giáp nhà anh đã có thay đổi nhiều, do anh với ông X (con ông L2) thống nhất ngõ đi lên phía sau thẳng, không để ngõ đi chéo như trong bản đồ.

2. Bà Nguyễn Thị T.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Nguyễn Anh Đ hoàn toàn nhất trí với ý kiến ông đã trình bày, ông không có ý kiến gì khác.

3. Anh Nguyễn Thành L.

Người đại diện theo ủy quyền của anh L: Ông Nguyễn Anh Đ hoàn toàn nhất trí với ý kiến ông đã trình bày, ông không có ý kiến gì khác.

4. Anh Nguyễn Văn Th.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Th: Ông Nguyễn Anh Đ hoàn toàn nhất trí với ý kiến ông đã trình bày, ông không có ý kiến gì khác.

5. Chị Nguyễn Thị Tuyết B.

Tại bản tự khai chị Nguyễn Thị Tuyết B trình bày:

Chị B ở trên mảnh đất này của bố mẹ chị là ông Nguyễn văn L1 (chủ hộ) từ khi sinh ra đến năm 2002 chị lấy chồng. Nhà bố mẹ chị làm từ năm 1978 (chị lấy mốc thời gian ghi trên nóc nhà). Từ khi sinh ra đến khi lấy chồng chị không thấy bố mẹ chị tranh chấp gì liên quan đến đất đai. Sau khi lấy chồng chị vẫn thường xuyên qua lại thăm bố mẹ và các em. Khoảng cuối năm 2011 bố chị đổ cổng bê tông giáp nhà ông Đ, do ông K thi công. Từ đó đến nay chị không thấy ông Đ có ý kiến tranh chấp hay kiện cáo gì về đất đai với gia đình nhà chị. Đầu năm 2019 chị thấy ông Đ tự nhiên sang nhận là đất nhà ông Đ sang 50cm cổng bê tông nhà bố mẹ chị. Sau đó ông Đ làm đơn lên xã yêu cầu địa chính về đo.

Khi chị chưa lấy chồng lúc bố mẹ chị còn sống chị được nghe bố mẹ nói là nhà ông Đ xin bố mẹ chị nửa mét đất để làm bếp. Ông nội chị còn sống ở cùng với bố mẹ chị ông có nói là nếu bố mẹ chị làm bếp mà hẹp quá thì cứ đẩy sang đất nhà ông nội chị khoảng 2-3m ở phía nhà ông A và anh X hiện nay. Năm 2000 bố mẹ chị làm bếp chị thấy bố mẹ chị làm lùi ra cho bếp rộng ở phần phía tiếp giáp với đất của ông nội chị. Chị đề nghị Tòa án xét xử công minh, giữ nguyên hiện trạng về đất đai và các công trình đã được xây dựng trên mảnh đất của bố mẹ chị để lại.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Ngọc M1.

Tại biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị Ngọc M1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 420, tờ bản đồ số 33, diện tích 2159m², ở khu 7, xã Tiên K, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ là quyền sử dụng của bố mẹ chồng chị là

ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị M. Bố chồng chị (ông L1) chết năm 2015, mẹ chồng chị (bà M) chết năm 2011. Trên đất có các tài sản gồm 01 nhà cấp 4, 04 gian, bếp, công trình phụ và chuồng trại chăn nuôi đều là tài sản của bố mẹ chồng chị. Sau khi ông L1 và bà M chết thì vợ chồng chị vẫn sinh sống trên thửa đất này nhưng vợ chồng chị không cải tạo, xây dựng thêm công trình gì. Năm 2014 anh L có xây 02 trụ cổng, việc xây 02 trụ cổng là do anh L tự xây chị không liên quan gì. Phần đường bê tông từ dưới đường đi lên nhà là do bố chồng chị đổ năm 2011. Chị không có đóng góp công sức gì trong khối tài sản này. Nay ông Đ khởi kiện anh L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất chị đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì chị không liên quan gì đến khối tài sản này. Chị M1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị xin được vắng mặt tại phiên họp hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số:05/2023/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh Đ.

Buộc anh Nguyễn Xuân L, anh Nguyễn Xuân C, chị Nguyễn Thị Tuyết B trả lại diện tích đất 94,4m² cho ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị T có các chỉ giới là 7, 8, 9, 50, 51, 10, 11, 49, 7 (theo sơ đồ hiện trạng ngày 10/8/2022).

Buộc anh Nguyễn Xuân L, anh Nguyễn Xuân C, chị Nguyễn Thị Tuyết B tháo dỡ phần đường bê tông có các chỉ giới là 50, 51, 10, 11, 49, 57, 56, 50 (theo sơ đồ hiện trạng ngày 10/8/2022).

Buộc anh Nguyễn Xuân L tháo dỡ phần chuồng trại có chỉ giới là 7, 8, 9, 50, 56, 57, 7 và 01 trụ cổng xây gạch đỏ cao 2,5m, 01 cánh cổng sắt lưới B40, phần tường gạch đỏ 1,5m x 1,5m trong phần diện tích đất có các chỉ giới 7, 8, 9, 50, 51, 10, 11, 49, 7 (theo sơ đồ hiện trạng ngày 10/8/2022).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Nguyễn Xuân L, anh Nguyễn Xuân C, chị Nguyễn Thị Tuyết B phải trả cho ông Nguyễn Anh Đ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.983.671đ. Kỳ phần của mỗi người phải trả cho ông Đ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.661.223đ (Hai triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn hai trăm hai mươi ba đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 18/01/2023, anh Nguyễn Xuân L có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm và đề nghị đo vẽ thẩm định lại.

Kháng nghị: Theo quyết định kháng nghị số 36/QĐ-VKS-DS ngày 15/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, kháng nghị đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2023/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

Những vấn đề quyết định kháng nghị yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: do anh Đ chỉ khởi kiện anh L nhưng cấp sơ thẩm buộc anh C và chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng là không đúng.

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm về án phí và chi phí tố tụng theo hướng không buộc anh C và chị B phải chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh L đề nghị: Cấp phúc thẩm xem xét, thẩm định lại hiện trạng đất tranh chấp, nếu HĐXX không chấp nhận đề nghị trên thì đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm xử:

Chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số 36/QĐ-VKS-DS ngày 15/02/2023 của VKSND tỉnh Phú Thọ.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ. Không buộc chị B và anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng. Anh L phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng.

+ Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Xuân L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của anh Nguyễn Xuân L và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ trong thời hạn Luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Anh Đ khởi kiện anh Nguyễn Xuân L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất tại khu 7, xã Tiên K, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ. Do đó xác định đây là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” Tòa án nhân dân huyện Lâm T thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo anh Nguyễn Xuân L nhận thấy:

Về nguồn gốc sử dụng đất thì hộ ông Nguyễn Anh Đ sử dụng từ những năm 1986 và hộ ông Nguyễn Văn L1 (Ông L1 và bố của anh Nguyễn Xuân L) đã sử dụng từ trước năm 1978. Năm 1998 hộ ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Anh Đ, thửa đất 421⁻¹, tờ bản đồ số 33, diện tích 1545m², (trong đó đất ở là 300m² và đất vườn 1245m²) và hộ ông Nguyễn Văn L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Văn L1, thửa đất số 420, tờ bản đồ số 33, diện tích 2159m². Theo các tài liệu chứng cứ do Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm T cung cấp thì trong sổ mục kê thể hiện chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Anh Đ thửa đất 421⁻¹, tờ bản đồ số 33, diện tích 1545m² và chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn L1 thửa đất số 420, tờ bản đồ số 33, diện tích 2159m².

Qua xem xét thẩm định thì diện tích đất hộ ông Đ hiện đang sử dụng là 1038m², và diện tích đất hộ ông L1 (do anh C và anh L) đang sử dụng có diện tích là 2372m². Như vậy hộ ông Đ còn thiếu 507m², hộ anh C và anh L đang sử dụng thừa 228m².

Theo bản trích lục sơ đồ vị trí thửa đất và sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 10/8/2022 thì thửa đất của hộ ông Đ có 01 cạnh giáp với thửa đất ao (thửa 422⁻¹) của bà M1 dài là 22,8m, hộ ông Đ hiện đang sử dụng từ chỉ giới 55 - 11 là 20,2m, như vậy chiều dài của cạnh giáp với thửa đất ao của bà M1 thì hiện nay hộ ông Đ còn thiếu 2,6m.

Kéo thẳng từ chỉ giới 7 xuống chỉ giới 49 thì hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn L1 hiện nay do anh C và anh L đang sử dụng lấn sang phần đất của hộ ông Đ diện tích là 94,4m² có các chỉ giới là 7, 8, 9, 50, 51, 10, 11, 49, 7.

Từ những phân tích ở trên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh Đ, vì vậy cần buộc anh Nguyễn Xuân L, anh Nguyễn Xuân C, chị Nguyễn Thị Tuyết B trả lại cho hộ ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị T phần đất diện tích là 94,4m² có các chỉ giới là 7, 8, 9, 50, 51, 10, 11, 49, 7 theo sơ đồ hiện trạng ngày 10/8/2022. Buộc anh Nguyễn Xuân L tháo dỡ phần chuồng trại có các chỉ giới là 7, 8, 9, 50, 56, 57, 7 và 01 trụ cổng xây gạch đỏ cao 2,5m, 01 cánh cổng sắt lưới B40, phần tường gạch đỏ 1,5m x

1,5m (trong phần diện tích đất có các chỉ giới là 7, 8, 9, 50, 51, 10, 11, 49, 7), buộc anh Nguyễn Xuân L, anh Nguyễn Xuân C, chị Nguyễn Thị Tuyết B tháo dỡ phần bê tông có các chỉ giới là 50, 51, 10, 11, 49, 57, 56, 50 là phù hợp. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Xuân L.

Anh L kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tiến hành thẩm định lại hiện trạng là không phù hợp bởi lẽ: Cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định nhiều lần, tại phiên tòa sơ thẩm cán bộ trực tiếp đo vẽ sơ đồ hiện trạng của Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất huyện Lâm T trình bày cụ thể việc đo vẽ hiện trạng là hoàn toàn phù hợp với thực tế nên cấp phúc thẩm không cần thiết phải xem xét thẩm định lại theo yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Xuân L.

Từ những phân tích trên cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Xuân L.

[3] Xét kháng nghị của VKSND tỉnh Phú Thọ thấy rằng: Ông Nguyễn Anh Đ khởi kiện anh Nguyễn Xuân L yêu cầu trả lại 94,4m² đất mà ông Đ cho rằng anh L đã lấn chiếm của gia đình ông và buộc tháo dỡ một số công trình trên đất, phần diện tích đất mà ông Đ khởi kiện đòi thuộc thửa số 420, tờ bản đồ số 33, diện tích 2159m² (trong đó đất ở là 300m² và đất vườn 1859m²), địa chỉ : Khu 7, xã Tiên K, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ được UBND huyện Phong Châu (nay là huyện Lâm T) cấp GCNQSD đất ngày 05/12/1998 của ông Nguyễn Văn L1 (Hiện nay ông L1 và vợ đều đã chết). Vợ chồng ông L1 có 3 người con là anh Nguyễn Xuân L, anh Nguyễn Xuân C, chị Nguyễn Thị Tuyết B. Mặc dù hiện nay thửa đất trên chỉ có anh L và anh C đang trực tiếp sử dụng, nhưng thửa đất này phải xác định vẫn là tài sản chung của anh L, anh C và chị B do bố mẹ để lại nên đều có quyền, nghĩa vụ ngang nhau, mặc dù ông Đ chỉ khởi kiện anh L nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn đưa anh C và chị B tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, do đó cấp sơ thẩm buộc anh Nguyễn Xuân L, anh Nguyễn Xuân C, chị Nguyễn Thị Tuyết B phải chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng là phù hợp với quy định pháp luật.

Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Phú Thọ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Xuân L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Xuân L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số:05/2023/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh Đ.

Buộc anh Nguyễn Xuân L, anh Nguyễn Xuân C, chị Nguyễn Thị Tuyết B trả lại diện tích đất 94,4m² cho ông Nguyễn Anh Đ và bà Nguyễn Thị T có các chỉ giới là 7, 8, 9, 50, 51, 10, 11, 49, 7 (theo sơ đồ hiện trạng ngày 10/8/2022).

Buộc anh Nguyễn Xuân L, anh Nguyễn Xuân C, chị Nguyễn Thị Tuyết B tháo dỡ phần đường bê tông có các chỉ giới là 50, 51, 10, 11, 49, 57, 56, 50 (theo sơ đồ hiện trạng ngày 10/8/2022).

Buộc anh Nguyễn Xuân L tháo dỡ phần chuồng trại có chỉ giới là 7, 8, 9, 50, 56, 57, 7 và 01 trụ cổng xây gạch đỏ cao 2,5m, 01 cánh cổng sắt lưới B40, phần tường gạch đỏ 1,5m x 1,5m trong phần diện tích đất có các chỉ giới 7, 8, 9, 50, 51, 10, 11, 49, 7 (theo sơ đồ hiện trạng ngày 10/8/2022).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Nguyễn Xuân L, anh Nguyễn Xuân C, chị Nguyễn Thị Tuyết B phải trả cho ông Nguyễn Anh Đ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.983.671đ. Kỳ phần của mỗi người phải trả cho ông Đ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.661.223đ (Hai triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn hai trăm hai mươi ba đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân L, anh Nguyễn Xuân C, chị Nguyễn Thị Tuyết B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), kỳ phần của mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Anh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Anh Đ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001973 ngày 29/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Xuân L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Xuân L đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002381 ngày 06/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Lâm T;
- TAND huyện Lâm T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Tiến Dũng